TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2024/DS-ST Ngày: 04-10-2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số C ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Từ Sí N (P), sinh năm 1983 (có mặt) và ông Phan Minh T, sinh năm 1985 (vắng mặt); Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Từ Cẩm C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo các đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2022, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn B trình bày và yêu cầu:

Từ ngày 03-7-2019 đến ngày 12-9-2019, ông có bán thanh long cho bà Từ Sí N, tổng cộng 18 lần, bà N có ghi sổ thanh toán viết giấy cho ông vài lần, sau đó bà N chốt công nợ, phía bà N còn nợ ông 617.650.000 đồng, ông nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán nhưng bà N không thực hiện.

Kho thu mua thanh long đặt tại phường G thành phố T, tỉnh Long An. Bà N là thư kí của kho, lập sổ sách với ông; Trong kho còn có ông C, ông T1 và ông T thu mua thanh long, nhưng ông không biết thông tin gì về ông T1. Trước đó thường mua bán vài ngày thì đối chiếu sổ của ông và sổ của kho khớp nhau, tính thành tiền và thanh toán tiền mặt. Lúc bà N sinh con vẫn làm sổ sách cho kho. Lúc đó, ông đến bán thanh long thì có người khác cân thanh long và lập sổ với ông. Bà N ở nhà không có trực tiếp mua thanh long của ông. Ssu thời gian, ông đến yêu cầu bà N tính sổ và bà N chốt số nợ với ông, nhưng bà N không trả tiền cho ông, giấy tờ chốt nợ ông đã nộp cho Tòa án.

Do dịch bệnh Covid-19 nên từ năm 2019 đến nay ông mới khởi kiện. Ông khởi kiện trực tiếp bà N và không yêu cầu đối với ai khác vì bà N là người ghi giấy cho ông. Ông Phan Minh T là chồng bà N nên có trách nhiệm trả nợ cùng bà N, ông không có mua bán với ông T.

Ông yêu cầu bà Từ Sí N và ông Phan Minh T trả cho ông 802.203.820 đồng, trong đó gồm 617.650.000 đồng tiền gốc (M) và 184.553.820 đồng tiền lãi (617.650.000 đồng x 0,83%/tháng x 36 tháng từ ngày 09-8-2019 đến ngày 09-8-2022).

– Tại Bản tự khai ngày 23-11-2022, các văn bản tiếp theo, bị đơn bà Từ Sí N và ông Phan Minh T trình bày:

Ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B. Ông B là lái thanh long mua đem về bán cho ông Từ Cẩm C là chủ kho mua thanh long, bà N chỉ là thư ký của kho. Từ 17-8-2018 bà Nhì sinh con nên không còn làm cho kho. Trong thời gian bà Nhì sinh con, ông B cầm sổ của ông B nhờ bà N sao chép và tính thành tiền dùm ông B, vì sổ ông Ba chỉ ghi số cân và đơn giá, do quen biết trước đây nên bà N có tính hộ ông B. Ông bà không có mua bán gì với ông B nên không nợ tiền của ông B và không có trách nhiệm trả tiền cho ông B. Nếu muốn kiện, ông Ba P1 kiện ông C.

– Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của

pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã mua bán với bà N, trong khi bà N chỉ là người làm công, nguyên đơn kiên quyết khởi kiện bị đơn là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận theo trình bày của bị đơn.

Vụ án được tiến hành hòa giải tại Tòa án nhưng không thành.

Bị đơn là ông Phan Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Từ Cẩm C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn B khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với bà Từ Sí N và ông Phan Minh T, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là ông Phan Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Cẩm C được thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét việc ông Huỳnh Văn B yêu cầu bà Từ Sí N và ông Phan Minh T trả cho ông B 802.203.820 đồng, trong đó gồm 617.650.000 đồng tiền gốc (M) và 184.553.820 đồng tiền lãi (617.650.000 đồng x 0,83%/tháng x 36 tháng từ ngày 09-8-2019 đến ngày 09-8-2022) là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì:

[5] Chứng cứ ông B đưa ra là 03 bản giấy viết tay nội dung tính tiền hàng, có 01 giấy ghi số tiền 617.650.000 đồng, không ghi nội dung hàng gì, giữa ai với ai, không có người ký tên xác nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Lý lẽ ông B đưa ra là các giấy viết tay do bà N ghi nên bà N có trách nhiệm trả tiền cho ông B. Tuy nhiên, bà N không thống nhất mà cho rằng ông B là lái thanh long mua đem về bán cho kho mua thanh long, bà N chỉ là thư ký của kho. Từ 17-8-2018 bà N sinh con nên không có làm cho kho, bà N chỉ sao chép lại và tính thành tiền dùm ông B.

[7] Bà N đưa ra chứng cứ là các tài liệu thể hiện việc ông C có thuê kho thu mua thanh long; ngoài ra, còn có giấy khai sinh con của bà N để chứng minh từ 18-7-2018 bà N sinh con.

[8] Tại phiên tòa, ông B thống nhất việc không có mua bán trực tiếp với bà N, bà N là thư ký của kho; Khi bà N nghỉ sinh con ông B cầm sổ của ông B nhờ bà N sao chép lại và tính tiền dùm ông B; trình bày của ông B và bà N là thống nhất nhau; Như vậy, trong vụ án này ông B khởi kiện sai đối tượng nhưng vẫn cương quyết yêu cầu khởi kiện đối với bà N vì cho rằng bà N ghi giấy cho ông B. Do đó, trình bày của ông B là không có căn cứ chấp nhận, trình bày của bà N, ông T là có căn cứ chấp nhận.

[9] Ông Từ Cẩm C không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[10] Việc tại phiên tòa ông B cho rằng có cân bán thanh long cho người tên T1, nhưng không có yêu cầu gì với ông T1, cũng không biết gì về nhân thân, lai lịch, địa chỉ của ông T1, việc trình bày về ông T1 tại phiên tòa là sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên không có căn cứ đưa ông T1 Tham gia tố tụng.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 7.500.000 đồng. Ông Ba K được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Số tiền này ông B đã tạm nộp và chi phí xong.

[12] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông Ba không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nhưng ông B thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (người cao tuổi). Bà N, ông T, ông C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 429, 430, và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Văn B khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với bà Từ Sí N và ông Phan Minh T đối với số tiền 802.203.820 đồng, trong đó gồm 617.650.000 đồng tiền gốc (M) và 184.553.820 đồng tiền lãi (617.650.000 đồng x 0,83%/tháng x 36 tháng từ ngày 09-8-2019 đến ngày 09-8-2022).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn Ba P1 chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; Số tiền này ông B đã tạm nộp và chi phí xong.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Văn B thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 04-10-2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương